

Số: *1298* /QĐ-UBND

Vĩnh Phúc, ngày *27* tháng 5 năm 2019

### QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án lắp ráp, sản xuất xe ô tô và các loại phụ tùng ô tô, cung cấp dịch vụ bảo hành, sửa chữa và nhập khẩu xe ô tô nguyên chiếc tại thị trường Việt Nam của Công ty Ô tô Toyota Việt Nam tại phường Phúc Thắng, phường Hùng Vương, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc**

### ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH PHÚC

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ Quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá tác động môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT ngày 29/5/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Xét đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 306/TTr-STNMT ngày 23/5/2019,

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án lắp ráp, sản xuất xe ô tô và các loại phụ tùng ô tô, cung cấp dịch vụ bảo hành, sửa chữa và nhập khẩu xe ô tô nguyên chiếc tại thị trường Việt Nam (*dưới đây gọi tắt là Dự án*) của Công ty Ô tô Toyota Việt Nam (*dưới đây gọi tắt là Chủ dự án*), với các nội dung chủ yếu sau đây:

1. Phạm vi, địa điểm và quy mô công suất của Dự án

a) Phạm vi và địa điểm: Dự án được triển khai tại phường Phúc Thắng, phường Hùng Vương, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc với tổng diện tích của dự án là 28,4915ha. Trong đó, 21 ha nằm trên phần diện tích của Công ty đã được xây dựng nhà xưởng và đi vào hoạt động; 7,4915 ha sẽ được mở rộng trong thời gian sắp tới (*thuê ô đất NM01, NM02, NM03 và HC của CNN Hùng Vương – Phúc Thắng do Công ty Ô tô Toyota Việt Nam làm chủ đầu tư*).

b) Quy mô của dự án:

- **Giai đoạn hiện nay:** Lắp ráp, sản xuất xe ô tô với công suất là 52.000 xe/năm.

- **Giai đoạn nâng công suất:** Lắp ráp, sản xuất xe ô tô với công suất là 90.000 xe/năm.

2. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường của dự án:

a) Công trình xử lý nước thải:

- **Giai đoạn hiện nay:** Nước thải sản xuất được xử lý sơ bộ qua công nghệ xử lý sơ bộ bậc 1 (với nước thải phát sinh tại công đoạn photphat hóa) và công nghệ xử lý sơ bộ bậc 2 (xử lý hóa lý). Nước thải sau khi xử lý sơ bộ sẽ được đưa về hệ thống xử lý nước thải tập trung của Nhà máy.

Nước thải sinh hoạt được xử lý sơ bộ tại hệ thống bể tự hoại (số lượng 18 bể, thể tích từ  $\sim 5 m^3$  tới  $\sim 33 m^3$  tùy từng vị trí), phần nước thải sau xử lý sơ bộ sẽ được đưa về bể lắng để tiếp tục qua các công đoạn xử lý của hệ thống xử lý nước thải tập trung.

Nước thải sản xuất và nước thải sinh hoạt sau khi xử lý sơ bộ sẽ được đưa về hệ thống XLNT tập trung của Công ty. Hệ thống có công suất xử lý  $450 m^3$ /ngày đêm, đảm bảo xử lý nước thải đạt QCVN 40:2011/BTNMT cột A,  $Kq=0,9$ ;  $Kf=1,1$  - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp - trước khi xả ra môi trường.

- **Giai đoạn nâng công suất:** Các công trình xử lý nước thải giai đoạn hiện nay vẫn được giữ nguyên.

Nước thải sản xuất và nước thải sinh hoạt phát sinh thêm sẽ được thu gom và xử lý sơ bộ tương tự giai đoạn hiện tại. Sau đó, toàn bộ lượng nước thải phát sinh thêm sẽ được điều chỉnh phù hợp về 02 hệ thống XLNT, một phần về Hệ thống xử lý nước thải hiện tại và một phần nước thải sẽ được dẫn về hệ thống XLNT tập trung của CCN Hùng Vương – Phúc Thắng với công suất  $500 m^3$ /ngày.đêm để xử lý trước khi thải ra môi trường..

Chất lượng nước thải đầu ra của Hệ thống XLNT tập trung của Công ty và của CCN Hùng Vương – Phúc Thắng đảm bảo theo QCVN 40:2011/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (cột A),  $Kq=0,9$ ,  $Kf=1,0$ .

b) Công trình, biện pháp giảm thiểu bụi, khí thải:

- **Giai đoạn hiện nay:**

+ **Khí thải từ xưởng Sơn:** được Công ty xử lý bằng phương pháp lọc ướt. Số lượng quạt hút sử dụng tại buồng sơn là 03 cái (công suất mỗi quạt là 45KW, 380V). Nước thải chứa hóa chất độc hại sẽ chảy ra bể lắng cặn có bổ sung hóa chất vi sinh để tuyền nổi hỗn hợp bùn chứa hóa chất độc hại. Bể lắng cặn (kích thước  $DxRxH=12,5m \times 5m \times 6,4m$ , BTCT), trong đó thể tích chứa nước là  $\sim 120 m^3$ . Lượng nước trong bể lắng cặn sau khi đã tách hỗn hợp bùn thải sẽ được bơm tuần hoàn lại tháp lọc khí ướt để tiếp tục hấp thụ khí (công suất bơm tuần hoàn: 18,5KW, 380V).

+ **Khí thải và bụi từ xưởng Hàn:** Công ty bố trí hệ thống quạt cấp khí tươi (với 1 động cơ cấp khí mát công suất 37,5 Kw thổi ra  $\sim 160$  họng cấp khí và  $\sim 135$

quạt điện).

+ *Khí thải và bụi từ xưởng Dập*: Công ty áp dụng hệ thống hút và lọc bụi sau quá trình cắt plasma tại các xưởng. Khí thải sẽ được đưa qua hệ thống quạt hút (công suất 2,2 kw, số lượng 03 cái) để dẫn vào buồng lắng (kích thước: Dài: 3,4m; Rộng 0,55m; Cao: 1,3m) có bổ sung nước.

+ *Khí thải và bụi từ xưởng Khung xe*: Công ty đã lắp đặt hệ thống hút khói và xử lý khí thải. Khí thải được hút bằng quạt công suất cao (công suất quạt hút: 45KW, 380V) từ các vị trí phát sinh về đường ống thu gom vào buồng lọc khí (Kích thước: Dài \* Rộng \* Cao = 3,134m \* 2m \* 4m). Tại đây, khí thải đi qua buồng lọc khí khô gồm 24 túi lọc bụi Polyester chịu nhiệt, bụi sẽ được giữ lại trên các tấm lọc, khí thải đã được xử lý thoát ra ngoài môi trường qua ống khói làm bằng thép không gỉ, cao ~4m, đường kính 0,850m. Tấm lọc bụi định kỳ sẽ được tự động rũ xuống phễu thu.

+ *Khí thải từ lò sấy*: hệ thống lò sấy của Công ty được lắp đặt các buồng đốt công nghệ cao của Nhật Bản do vậy đảm bảo chất lượng đạt tiêu chuẩn khi thải ra môi trường.

+ *Mùi từ khu vực bếp ăn*: Công ty đã trang bị hệ thống quạt hút và ống thoát khói. Mùi thức ăn được thu bằng chụp hút mùi.

#### **- Giai đoạn nâng công suất:**

+ *Khí thải từ xưởng Sơn*: buồng phun sơn hiện tại đang dùng chung cho công đoạn sơn lót (primer) và sơn phủ (topcoat) sẽ được sử dụng cho công đoạn sơn lót (primer). Việc xử lý khí thải áp dụng hệ thống xử lý đã nêu ở trên. Công đoạn sơn phủ (topcoat) được đầu tư dây chuyền mới khí thải sẽ được xử lý theo công nghệ lọc ướt ở trên, tuy nhiên bể lắng cặn nước thải sau khi xử lý khí thải sẽ được bố trí bể nổi trên mặt đất để thuận tiện cho việc thi công lắp đặt, cũng như giảm thiểu các rủi ro ô nhiễm môi trường. Dự kiến sẽ thêm 04 ống khí thải buồng sơn bằng vật liệu thép không gỉ, chiều cao từ 12~13m so với mặt đất.

+ *Khí thải và bụi từ xưởng Hàn*: Hệ thống trong giai đoạn hiện tại tiếp tục được sử dụng và không lắp đặt thêm thiết bị do vẫn đáp ứng nhu cầu xử lý sau khi mở rộng Xưởng.

+ *Khí thải và bụi từ xưởng Dập*: Hệ thống trong giai đoạn hiện tại tiếp tục được sử dụng và không lắp đặt thêm thiết bị do vẫn đáp ứng nhu cầu xử lý sau khi mở rộng Xưởng.

+ *Khí thải và bụi từ xưởng Khung xe*: Hệ thống trong giai đoạn hiện tại tiếp tục được sử dụng và không lắp đặt thêm thiết bị do vẫn đáp ứng nhu cầu xử lý sau khi mở rộng Xưởng.

+ *Khí thải từ lò sấy*: Công ty sẽ thực hiện: (1) kéo dài lò sấy ED (Thêm 3 buồng đốt); (2) thay lò Topcoat thành sấy Primer (Bổ sung 1 buồng đốt) và (3) lắp mới lò Topcoat (6 buồng đốt). Các ống khói mới sẽ được làm bằng vật liệu thép không gỉ, chiều cao ~12 – 13m so với mặt đất, bố trí các cửa lấy mẫu khí và sàn thao tác đảm bảo cho việc thực hiện Quan trắc môi trường định kỳ.



+ *Mùi từ khu vực bếp ăn*: Công ty tiếp tục sử dụng các thiết bị đã lắp đặt ở giai đoạn hiện tại, không lắp đặt thêm công trình mới.

c) *Các hạng mục khác như*: Công trình thu gom, lưu giữ chất thải; các biện pháp ứng phó, phòng chống cháy nổ, sự cố môi trường sẽ được Công ty tiếp tục đầu tư xây dựng, cải tạo, lắp đặt tại các nhà xưởng đảm bảo đáp ứng nhu cầu khi dự án mở rộng, nâng công suất.

3. Chương trình giám sát môi trường: Chương trình giám sát chất thải của dự án sau khi lập báo cáo ĐTM có thay đổi, bổ sung về số lượng và vị trí giám sát (*Nội dung cụ thể được nêu chi tiết trong báo cáo ĐTM kèm theo*).

4. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với Dự án:

a) Thu gom, xử lý nước thải phát sinh đạt Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải công nghiệp, QCVN 40:2011/BTNMT, cột A ( $Kq = 0,9$ ;  $Kf = 1$ ) trước khi xả ra môi trường.

b) Thực hiện các biện pháp, giải pháp giảm thiểu ô nhiễm không khí, tiếng ồn, độ rung đảm bảo đạt các Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia: Về tiếng ồn (QCVN 26:2010/BTNMT); về độ rung (QCVN 27:2010/BTNMT); về chất lượng không khí xung quanh (QCVN 05:2013/BTNMT); về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ (QCVN 20:2009/BTNMT) và đảm bảo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (QCVN 19:2009/BTNMT, cột B).

c) Thu gom, xử lý các loại chất thải rắn, chất thải nguy hại phát sinh của Dự án đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định hiện hành.

d) Lập kế hoạch và đảm bảo các phương tiện cần thiết để phòng ngừa, ứng cứu sự cố môi trường trong quá trình hoạt động của Dự án.

e) Thực hiện chương trình quản lý, giám sát môi trường và các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác như đã đề xuất trong báo cáo ĐTM. Số liệu giám sát phải được cập nhật và lưu giữ để cơ quan quản lý nhà nước kiểm tra.

5. Điều kiện kèm theo:

a) Tuân thủ yêu cầu về tiêu thoát nước, an toàn lao động, vệ sinh công nghiệp, phòng chống cháy nổ, an toàn hóa chất trong quá trình thực hiện dự án theo các quy định của pháp luật hiện hành.

b) Tuân thủ yêu cầu giám sát chất lượng công trình, sửa chữa kịp thời những khu vực bị sụt lún, sạt lở trong quá trình thực hiện Dự án.

**Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm**

1. Lập và gửi kế hoạch quản lý môi trường của dự án để niêm yết công khai theo quy định pháp luật;

2. Thực hiện nghiêm túc các yêu cầu về bảo vệ môi trường, các điều kiện nêu tại các khoản 4, khoản 5 Điều 1 của Quyết định này và các nội dung khác đã đề xuất trong báo cáo đánh giá tác động môi trường;

3. Trong quá trình thực hiện nếu Dự án có những thay đổi so với báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt, Chủ dự án phải có văn bản báo cáo và chỉ được thực hiện những thay đổi sau khi có văn bản chấp thuận của UBND tỉnh Vĩnh Phúc.


**Điều 3.** Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án là căn cứ để cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định các bước tiếp theo của Dự án theo quy định tại Điều 25 Luật Bảo vệ môi trường.

**Điều 4.** Giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì phối hợp với các đơn vị liên quan kiểm tra, giám sát việc thực hiện các nội dung bảo vệ môi trường trong báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt tại Quyết định này và xử lý theo quy định của pháp luật.

**Điều 5.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Chánh văn phòng UBND tỉnh; Thủ trưởng các sở, ngành: Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng, Giao thông Vận tải, Khoa học và Công nghệ, Công thương, Công an tỉnh, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Cục Thuế tỉnh; Chủ tịch UBND thành phố Phúc Yên; Chủ tịch UBND phường Hùng Vương; Chủ tịch UBND phường Phúc Thắng; Giám đốc Công ty ô tô Toyota Việt Nam và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan căn cứ quyết định thi hành./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 5;
  - Chủ tịch, các PCT;
  - CVP, các PCVP;
  - CV: NN1,5, CN1,2,3;
  - Lưu: VT, NN4.
- (H- 30 b) 

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH



*Nguyễn Văn Khước*  
Nguyễn Văn Khước



